

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2025/HC-ST

Ngày 30 - 9 - 2025

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lương Thanh Chín.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đào Văn Sáng và ông Phan Đình Khiêm.

- Thư ký phiên tòa: ông Chu Trần Quốc Huy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 37/2018/TLST-HC ngày 27/3/2018, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2025/QĐXXST-HC ngày 06 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2025/QĐST-HC ngày 20 tháng 6 năm 2025; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 839/TB-TA ngày 25 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 376/2025/QĐST-HC ngày 24/9/2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: bà Hoàng Thị P, sinh năm 1963; Địa chỉ: Khu phố A, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu phố A, phường B, tỉnh Lâm Đồng.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ủy ban nhân dân thành phố P.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Thanh T- Phó Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và Luật sư Phạm Thị Minh H- Trưởng Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phùng Lê Duy L1- Chuyên viên Phòng Bồi thường, giải phóng mặt bằng- Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất số 1.

2. Công ty Cổ phần Đ; Địa chỉ: Số C, đường U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh .

3. Ủy ban nhân dân phường P;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Thanh T- Phó Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và Luật sư Phạm Thị Minh H- Trưởng Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư B.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân tỉnh L.

5. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1943; Địa chỉ: Khu phố A, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

Đương sự có mặt: bà Nguyễn Thị Kim L, ông Phùng Lê Duy L1.

Các đương sự khác vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: có mặt Luật sư Phạm Thị Minh H; vắng mặt ông Nguyễn Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/02/2018, đơn khởi kiện bổ sung, người khởi kiện trình bày: ngày 20/3/2012 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 747/QĐ-UBND về việc điều chỉnh giảm diện tích đất thu hồi của hộ bà Hoàng Thị P, và ngày 22/5/2015 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết

định số 918/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Quang L2 (mất) - bà Hoàng Thị P dự án công trình Khu dân cư H, giai đoạn B, phường P. Bà P khiếu nại các quyết định nêu trên nhưng Ủy ban nhân dân thành phố P không giải quyết mà đẩy qua Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận giải quyết trong khi Trung tâm Phát triển quỹ đất không có thẩm quyền giải quyết.

Ngày 22/12/2017 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 8818/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất. Vào ngày 16/01/2018, Ban thực hiện cưỡng chế tiến hành triển khai việc cưỡng chế thu hồi đất nhằm hợp thức hóa việc giao đất cho các công ty đã được cấp toàn bộ đất của dân, từ đó bán kiếm tiền. Do đó, việc ban hành các quyết định nêu trên là trái quy định của pháp luật và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P nên bà P khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết:

Hủy Quyết định số 8818/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Tại phiên tòa, người khởi kiện xác định và yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định:

- Hủy Quyết định số 8818/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 20/3/2012 của Ủy ban thành phố P về việc điều chỉnh giảm diện tích thu hồi của hộ bà Hoàng Thị P.

- Hủy Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Quang L2 (mất) - bà Hoàng Thị P, Dự án công trình Khu dân cư H, giai đoạn B, phường P.

- Yêu cầu Tòa án xem xét các quyết định hành chính có liên quan theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân thành phố P (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P): tại văn bản số 5179/UBND-TH ngày 24/4/2018, có nội dung: việc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 8818/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Hoàng Thị P là đúng theo trình tự thủ tục được quy định tại Điều 71 Luật Đất đai 2013 và khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T1. Việc bà Hoàng Thị P yêu cầu Tòa án hủy quyết định nêu trên là không có căn cứ pháp luật.

Ý kiến của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh B (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng): Trung tâm đã thực hiện công tác bồi thường đối với hộ bà Hoàng Thị P đúng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh B tại thời điểm lập hồ sơ bồi thường, đồng thời thống nhất với ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố P.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh trình bày là hộ bà Hoàng Thị P không đủ điều kiện bồi thường về đất nhưng được hỗ trợ khi thu hồi đất bằng giá đất khi thu hồi bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án không có ý kiến, vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: trình tự, thủ tục giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính tuyên: bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và tuyên về án phí hành chính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Quyết định số 8818/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Hoàng Thị P, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà P, bà P yêu cầu hủy quyết định nêu trên là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 8818/QĐ-UBND ngày 22/12/2017, ngày 14/3/2018 bà Hoàng Thị P nộp đơn khởi kiện đến Tòa án là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, đương sự khác vắng mặt đến lần thứ hai. Đương sự có mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và Kiểm sát viên đề nghị tiến hành phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 157, Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu hủy quyết định hành chính:

[3.1] Quyết định số 8818/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất bị bà Hoàng Thị P khởi kiện, sau đó người khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định hành chính Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 20/3/2012 về việc điều chỉnh giảm diện tích thu hồi của bà Hoàng Thị P, Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Quang L2 (mất) – bà Hoàng Thị P, Dự án công trình Khu dân cư H, giai đoạn B, phường P

Khi xem xét quyết định hành chính bị kiện này Hội đồng xét xử xem xét các quyết định hành chính có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính. Đó là các quyết định: Quyết định số 4366/QĐ-UBND ngày 24/3/2005 về việc thu hồi đất của hộ bà Hoàng Thị P; Quyết định số 4837/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 về việc điều chỉnh giảm diện tích thu hồi đất; Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 08/8/2013 về việc điều chỉnh tên sử dụng đất; Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 08/8/2013; Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị P (lần đầu).

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện không yêu cầu xem xét giải quyết các quyết định hành chính liên quan nêu trên, nhận thấy các quyết định hành chính đó không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Riêng Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị P (lần đầu) có liên quan đến các quyết định cưỡng chế thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ nên Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về nội dung: đối với Quyết định số 4366/QĐ-UBND ngày 24/3/2005 về việc thu hồi đất của hộ bà Hoàng Thị P của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. Nhận thấy Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 4366/QĐ-UBND ngày 24/3/2005 về việc thu hồi đất của hộ bà Hoàng Thị P là

không đúng thẩm quyền tại Điều 44 Luật Đất đai năm 2003. Việc ban hành Quyết định số 4366/QĐ-UBPT ngày 24/3/2005 trên cơ sở thi hành Quyết định số 5290/QĐ-CTUBBT ngày 23/02/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi và giao đất cho Quỹ Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng Bình Thuận xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu dân cư H, giai đoạn 2A tại phường P và phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại khoản 1 Điều 39 Luật Đất đai năm 2003 quy định về việc thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng quy định: *“Nhà nước thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố hoặc khi dự án đầu tư có nhu cầu sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt”*.

Tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 quy định việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: *“Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong các trường hợp sau đây: Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng”*.

Quyết định số 4366/QĐ-UBPT ngày 24/3/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P và các quyết định khác liên quan về việc thu hồi đất diện tích 99,2m² của hộ bà Hoàng Thị P, địa chỉ đất tại phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư H, giai đoạn 2A, thành phố P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Đất đai năm 2003 và điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Mặc dù việc ban hành quyết định thu hồi đất là chưa đúng thẩm quyền theo khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 nhưng nội dung quyết định là có căn cứ pháp luật.

[4.1] Xét việc bà Hoàng Thị P yêu cầu hủy Quyết định số 8818/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Anh D:

Tại khoản 3 Điều 39 Luật Đất đai năm 2003 quy định về việc thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng: *“Sau khi có quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, được công bố công khai, có hiệu lực thi hành, người bị thu hồi đất phải chấp hành quyết định thu hồi đất”*.

Trường hợp người bị thu hồi đất không chấp hành quyết định thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất ra quyết định cưỡng chế. Người bị cưỡng chế thu hồi đất phải chấp hành quyết định cưỡng chế và có quyền khiếu nại”.

Bà Hoàng Thị P không chấp hành Quyết định thu hồi đất số 4366/QĐ-UBPT ngày 24/3/2005 nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 8818/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Hoàng Thị P là đúng pháp luật, Vì vậy bà Hoàng Thị P yêu cầu hủy Quyết định số 8818/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 là không có căn cứ pháp luật chấp nhận.

[4.2] Hội đồng xét xử xem xét các quyết định hành chính có liên quan đến thu hồi đất của bà Hoàng Thị P, là Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Quang L2 (mất) - bà Hoàng Thị P Dự án công trình Khu dân cư H, giai đoạn B, phường P, nhận thấy:

Tại Điều 42 Luật Đất đai 2003 quy định:

“1. Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật này thì người bị thu hồi đất được bồi thường, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 38 và các điểm b, c, d, đ và g khoản 1 Điều 43 của Luật này.

2. Người bị thu hồi loại đất nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm có quyết định thu hồi”.

Tại Điều 6 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định *“Người bị Nhà nước thu hồi đất có đủ điều kiện quy định tại Điều 8 của Nghị định này thì được bồi thường; trường hợp không đủ điều kiện được bồi thường thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xem xét để hỗ trợ”.*

Tại Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định người bị Nhà nước thu hồi đất, có một trong các điều kiện sau đây thì được bồi thường:

“1. ...

5. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có hộ khẩu thường trú tại địa phương và trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn ở miền núi, hải đảo, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận là người đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

6. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này, nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất đó không có tranh chấp”.

Việc ban hành quyết định về việc phê duyệt phương án hỗ trợ là chưa đúng thẩm quyền theo điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 nhưng nội dung là hỗ trợ về đất để thực hiện dự án nêu trên. Căn cứ tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và được kiểm tra tại phiên tòa thì diện tích đất 99,2m² mà Nhà nước thu hồi có nguồn gốc do bà Hoàng Thị P nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị C vào năm 2002. Bà C chưa có giấy tờ về quyền sử dụng đất nhưng bà C sử dụng đất trước ngày 15/10/1993; không có ai khiếu nại, tranh chấp, nên đủ điều kiện bồi thường. Vì vậy Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không bồi thường mà chỉ hỗ trợ về đất cho hộ bà Hoàng Thị P là không đúng quy định.

Tại Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 170/GXN ngày 06/10/2014 của Ủy ban nhân dân phường P có nội dung: diện tích đất nông nghiệp thu hồi được bà Hồ Thị P1 nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị C vào năm 2002, (bà C sử dụng đất trước ngày 15/10/1993). Trên đất có nhà tạm xây gạch, nền gạch bát tràng diện tích 20,916m², (sàn gạch hoa 20 x 20, diện tích 3,32m x 4,8m = 15,936m²) được Ủy ban nhân dân phường xác nhận xây dựng sau khi có quyết định thu hồi đất, không bị xử phạt hành chính (bà P1 khai xây dựng ngay sau khi mua đất năm 2002).

Như vậy, thửa đất gia đình bà P1 bị thu hồi có nguồn gốc do bà C tạo lập, sử dụng liên tục trước năm 1993, sau đó đến năm 2002 thì sang nhượng lại cho bà P1 99,2m², diện tích đất này bà C chưa có giấy tờ, không thu hồi diện tích đất 99,2m² đứng tên bà C. Quá trình sang nhượng đất đến khi thu hồi không phát sinh tranh chấp về quyền sử dụng đất. Ngoài ra, trên đất có tài sản là căn nhà tạm do bà P1 xây dựng, không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính, không có căn cứ xác định thời điểm xây dựng và không có căn cứ xác định xây dựng sau khi có quyết định thu hồi đất.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị P là có căn cứ pháp luật một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị P là hủy Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

[4.3] Do hủy Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 nên phải hủy một phần Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị P (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đối với phần liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ do thu hồi diện tích đất 108m² của hộ ông Nguyễn Quang L2 (mất) - bà Hoàng Thị P theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 191 và khoản 1 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính.

[5] Về ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện; ý kiến của đại diện Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh là hộ bà Hoàng Thị P không đủ điều kiện bồi thường về đất nhưng được hỗ trợ khi thu hồi đất bằng với giá đất khi thu hồi nếu được bồi thường nên đề nghị bác yêu cầu khởi kiện là không đúng với quy định của pháp luật tại mục [4.2] nêu trên. Lý do hộ bà Hoàng Thị P bị thu hồi đất thuộc trường hợp bồi thường về đất nhưng không được bồi thường về đất là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng không được chấp nhận.

[6] Về Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 20/3/2012 của Ủy ban thành phố P về việc điều chỉnh giảm diện tích thu hồi của hộ bà Hoàng Thị P. Tại phiên tòa người khởi kiện xác định và đồng ý việc thu hồi đất và đồng ý với diện tích đất thu hồi sau khi được điều chỉnh là diện tích đất 99,2m², đất này đã thực hiện dự án, người khởi kiện không yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ. Chính vì vậy không có căn cứ pháp luật để hủy quyết định nêu trên nên bác yêu cầu này.

[7] Về án phí: Do yêu cầu hủy quyết định cưỡng chế thu hồi đất, quyết định thu hồi đất không được chấp nhận nên bà Hoàng Thị P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 157; Điều 158; điểm đ khoản 1 Điều 191; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 348

của Luật Tố tụng hành chính;

- Điều 39, Điều 42, Điều 44 của Luật Đất đai 2003;

- Điều 62, 66, 69, 74, 75 của Luật Đất đai 2013;

- Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị P, về việc yêu cầu hủy:

- Quyết định số 8818/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 20/3/2012 của Ủy ban thành phố P về việc điều chỉnh giảm diện tích thu hồi của hộ bà Hoàng Thị P.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị P.

- Hủy Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Quang L2 (mất) - bà Hoàng Thị P Dự án công trình Khu dân cư H, giai đoạn B, phường P.

- Hủy một phần Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị P (lần đầu) đối với phần liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ do thu hồi của hộ ông Nguyễn Quang L2 (mất) - bà Hoàng Thị P.

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Lâm Đồng thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật trong việc bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất thu hồi cho hộ ông Nguyễn Quang L2 (mất) - bà Hoàng Thị P.

3. Về án phí: bà Hoàng Thị P phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021022 ngày 26/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Bà P đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lương Thanh Chín